

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THAM GIA BẢO HIỂM CÂY LÚA CỦA HỘ DÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THÁI NGUYÊN, THÁI THUY, THÁI BÌNH

Nguyễn Hữu Khánh

Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: khanhhuu1@gmail.com

Đỗ Khánh Huyền

Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: dkhuyen1711@gmail.com

Ngày nhận: 12/6/2016

Ngày nhận bản sửa: 15/7/2016

Ngày duyệt đăng: 25/7/2016

Tóm tắt:

Nghiên cứu này thực hiện nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ dân tại xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Số liệu sơ cấp được thu thập năm 2016 bằng cách khảo sát 120 hộ dân trên địa bàn xã. Số liệu thứ cấp được thu thập từ niên giám thống kê và báo cáo kết quả thực hiện thí điểm bảo hiểm cây lúa của xã. Phương pháp phân tích hồi quy nhị phân Binary Logistic được sử dụng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa bao gồm: hiểu biết về bảo hiểm cây lúa, hộ bị mất mùa hay không, quy mô trồng lúa, trình độ học vấn, thu nhập khác ngoài trồng lúa. Để thực hiện tốt bảo hiểm cần phải có các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thị trường bảo hiểm và phải làm tốt công tác chỉ đạo, tuyên truyền về chính sách bảo hiểm cây lúa đến người dân.

Từ khóa: Bảo hiểm cây trồng, nông nghiệp, rủi ro.

Factors affecting farmers' participation in paddy rice crop insurance in Thai Nguyen commune, Thai Thuy district, Thai Binh province

Abstract:

This paper aimed at analyzing the factors affecting farmers' participation in paddy rice crop insurance in Thai Nguyen commune, Thai Thuy district, Thai Binh province. Primary data was collected in 2016 by surveying 120 farm households of the commune. Secondary data was collected from statistical yearbooks and reports from the commune's pilot project for paddy rice crop insurance. Logistic Binary regression was used to analyze the factors affecting the decision to participate paddy rice crop insurance including: farmers' awareness of paddy rice crop insurance, crop failure experience, scale of paddy rice production, education, and non-farm income. In order to improve the outcomes of crop insurance, the government should have policies that create incentives for the insurance firms to participate actively in crop insurance market, and should promote activities that raise the farmer's awareness of crop insurance.

Keywords: Crop insurance, agriculture, risk.

1. Đặt vấn đề

Bảo hiểm nông nghiệp là loại hình bảo hiểm rất cần thiết đối với các hộ gia đình nông dân nhằm đảm

bảo an sinh xã hội và phát triển nông thôn bền vững.

Nhận thức được tầm quan trọng của bảo hiểm nông nghiệp, Chính phủ đã ban hành Quyết định 315/

QĐ-TTg về việc triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 cho cây lúa, vật nuôi và thủy sản. Bộ Tài chính đã chỉ định hai doanh nghiệp tham gia thí điểm bảo hiểm nông nghiệp là Bảo Minh và Bảo Việt. Theo quyết định này, Nhà nước hỗ trợ chi phí quản lý và tái bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, hỗ trợ 100% phí bảo hiểm cho hộ nghèo; 80% đối với hộ cận nghèo, 60% đối với hộ không thuộc hộ nghèo hay cận nghèo. Cho đến tháng 10 năm 2012 thí điểm bảo hiểm được tiến hành trên 21 tỉnh, thành phố với 135.916 hộ dân đã tham gia ký kết hợp đồng, trong đó 85% là hộ nghèo. Đã có 24.792 ha lúa được bảo hiểm trong đợt thí điểm mặc dù ở giai đoạn trước các doanh nghiệp đã phải dừng bảo hiểm cho cây lúa (Phạm Thị Định, 2013).

Cùng với việc thực thi thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, các nhà nghiên cứu đã thảo luận nhiều khía cạnh về thị trường bảo hiểm nông nghiệp cho cây lúa. Nguyễn Văn Song & cộng sự (2013) đã xác định mức mua bảo hiểm 24.375 đồng/sào/vụ ở địa bàn xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, kết quả nghiên cứu cho thấy quy mô sản xuất (diện tích lúa) và chính sách hỗ trợ sản xuất là yếu tố có ảnh hưởng lớn tới quyết định tham gia bảo hiểm cho cây lúa (Lương Thị Ngọc Hà, 2015). Hoàng Triệu Huy & cộng sự (2014) đã chỉ ra rằng hộ tham gia tập huấn, mức độ dễ dàng huy động nguồn lực và khả năng bán lúa thành phẩm có ảnh hưởng tới quyết định tham gia chương trình thí điểm bảo hiểm cây lúa ở tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu này bổ sung những tranh luận về thị trường bảo hiểm cho cây lúa ở hai khía cạnh chính. Thứ nhất, các nghiên cứu trước chưa có nghiên cứu thí điểm ở đồng bằng sông Hồng. Là một trong hai vùng trồng lúa lớn nhất cả nước, đồng bằng sông Hồng có đặc điểm khác biệt trong sản xuất lúa và đời sống nông thôn. Những khác biệt này có thể ảnh hưởng đến lựa chọn tham gia trên thị trường bảo hiểm cho cây lúa. Thứ hai, nghiên cứu này hướng tới phân tích những rào cản đối với thị trường bảo hiểm, khác với các nghiên cứu trước ở vùng này cố gắng làm sáng tỏ mức giá người mua sẵn lòng trả và xác định những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia từ phía người có nhu cầu.

Mục đích của bài viết nhằm thảo luận các yếu tố ảnh hưởng tới việc tham gia thí điểm bảo hiểm cho cây lúa ở đồng bằng sông Hồng bằng nghiên cứu điển hình ở xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Nội dung tiếp theo của bài viết trao đổi về mô hình lý thuyết, thực nghiệm và cách thức thu

thập số liệu. Phần kết quả nghiên cứu đi sâu phân tích hai nội dung. Thứ nhất, những phát hiện từ kết quả điều tra thảo luận các yếu tố làm cản trở thí điểm thành công bảo hiểm cây lúa trên địa bàn xã. Thứ hai, phân tích những yếu tố ảnh hưởng tới lựa chọn tham gia thí điểm bảo hiểm cho cây lúa thông qua sử dụng mô hình hồi quy nhị phân Binary Logistic. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số kết luận được đưa ra ở phần cuối của bài viết.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mô hình lý thuyết

Mô hình phân tích để nghiên cứu quyết định tham gia bảo hiểm của hộ dân dựa trên giả định rằng các hộ tối đa hóa lợi ích kỳ vọng (Expected Utility) thông qua việc lựa chọn các nhân tố sản xuất, kể cả phí bảo hiểm cây lúa trong điều kiện nguồn lực khan hiếm và công nghệ sản xuất bị giới hạn (Sherrick & cộng sự, 2004). Để đi đến quyết định có mua bảo hiểm cây lúa hay không, hộ sẽ so sánh lợi ích giữa việc mua hay không mua bảo hiểm và chọn phương án có lợi ích cao nhất. Giả sử với mức tiêu dùng tối thiểu w_{min} để đảm bảo phúc lợi cơ bản của hộ, hàm lợi ích có thể đạt được của hộ i khi mua bảo hiểm cây lúa sẽ là:

$$w_i^l = \max[w_{min} \cdot y_i - C_i - \tau + \pi + a_i] \quad (1)$$

Trong đó: y_i là doanh thu, C_i là chi phí, τ là phí bảo hiểm và π là giá trị kỳ vọng được bồi thường khi rủi ro xảy ra; a_i là giá trị tài sản và các khoản thu nhập không từ sản xuất lúa. Nếu không mua bảo hiểm, hàm lợi ích đạt được của hộ sẽ là:

$$w_i^0 = \max[w_{min} \cdot y_i - C_i + a_i] \quad (2)$$

Để đưa ra quyết định mua bảo hiểm cây lúa hay không, hộ sẽ so sánh w_i^0 và w_i^l . Như vậy, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hay không mua bảo hiểm của hộ chính là các yếu tố ảnh hưởng đến mức tiêu dùng có thể đạt được của hộ (w_i^0 và w_i^l) trong phương trình (1) và (2). Có thể thấy, các yếu tố này thường bao gồm đặc điểm của hộ, đặc điểm của hoạt động trồng lúa, mức phí bảo hiểm và các yếu tố tổ chức khác. Nếu gọi x_i là các biến giải thích cho các yếu tố ảnh hưởng đến mức tiêu dùng có thể đạt được và ký hiệu $\Delta w_i^* = w_i^l - w_i^0$ là sự khác biệt về mức tiêu dùng có thể đạt được này, mô hình phân tích trên có thể được viết như sau:

$$\Delta w_i^* = x_i' \beta + \varepsilon_i \quad (3)$$

Trong đó: ε_i là sai số ngẫu nhiên đại diện cho yếu tố không quan sát được nhưng có ảnh hưởng lên Δw_i^* ; β là các tham số trong mô hình.

Vì mức chênh lệch tiêu dùng Δw_i^* không quan sát được, việc ước lượng các hệ số β thông qua mô hình hồi quy tuyến tính không thực hiện được. Tuy nhiên, quyết định có hay không tham gia bảo hiểm của hộ lại quan sát được vì vậy mô hình ước lượng với biến phụ thuộc là biến nhị phân thường được áp dụng trong trường hợp này. Xác suất để hộ tham gia bảo hiểm cây lúa được thể hiện qua công thức sau:

$$\begin{aligned} Pr(I_i = 1|x) &= Pr(w_i > 0|x) = Pr(x_i' \beta + \varepsilon_i > 0) \\ &= Pr(\varepsilon_i > -x_i' \beta) = Pr(\varepsilon_i \leq x_i' \beta) = \Phi_i(x_i' \beta) \end{aligned} \quad (4)$$

Trong đó: $\Phi_i(\cdot)$ là phân phối chuẩn (cdf), với $\phi_i(\cdot)$ là hàm mật độ phân phối chuẩn (pdf). Tuy nhiên, việc trực tiếp sử dụng các hệ số ước lượng β để giải thích ý nghĩa của mô hình là khá khó. Thông thường, hiệu ứng biên sẽ được tính toán và được sử dụng để giải thích ý nghĩa mô hình thay cho các hệ số ước lượng β dựa theo công thức:

$$\frac{\partial \Phi_i(\cdot)}{\partial x_{ik}} = \phi_i(\cdot) \beta_k \quad (5)$$

Việc ước lượng các hệ số β từ mô hình là khá dễ dàng với phương pháp ước lượng hợp lý tối đa (MLE).

2.2. Mô hình nghiên cứu thực nghiệm

Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy nhị phân Binary Logistic để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ được xây dựng như sau:

$$Y_i = \ln \left(\frac{P_i}{1 - P_i} \right) = b_0 + b_i X_i + u_i \quad (6)$$

Trong đó: Y_i là biến nhị phân thể hiện quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ được đo lường

bằng hai giá trị 1 (nếu hộ tham gia bảo hiểm) và 0 (nếu hộ không tham gia bảo hiểm); p_i là xác suất tham gia bảo hiểm, X_i là các biến độc lập; u_i là sai số trong mô hình. Các biến độc lập và dấu kỳ vọng các hệ số sử dụng trong mô hình được trình bày trong Bảng 1.

2.3. Số liệu

Nghiên cứu này sử dụng cả số liệu sơ cấp và thứ cấp. Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo, tài liệu có sẵn ở địa phương và các tạp chí chuyên ngành, dùng làm bằng chứng tranh luận thông qua phương pháp so sánh và thống kê mô tả. Số liệu sơ cấp phục vụ cho phân tích mô hình, được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 120 hộ trồng lúa tại xã Thái Nguyên. Mẫu nghiên cứu được chọn ngẫu nhiên bao gồm cả hộ tham gia và không tham gia thí điểm bảo hiểm cho cây lúa. Phương pháp phỏng vấn trực tiếp dùng bảng hỏi với nội dung về: tuổi, giới tính, trình độ học vấn, thu nhập và những thông tin khác liên quan của hộ.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Những phát hiện từ kết quả điều tra

Đặc điểm của hộ trồng lúa ở xã Thái Nguyên có nhiều điểm tương đồng với các địa phương ở vùng đồng bằng sông Hồng. Cây lúa là cây trồng lâu năm của người dân nơi đây, điều này được thể hiện qua kinh nghiệm trồng lúa. Số năm kinh nghiệm trồng lúa trung bình là 25,4 năm, hộ có kinh nghiệm trồng lúa thấp nhất là 5 năm (Bảng 2). Quy mô trồng lúa nhỏ, manh mún và sản xuất mang tính tự cung, tự cấp. Với đặc điểm chung của vùng đồng bằng sông Hồng gieo trồng hai vụ lúa, diện tích gieo trồng cả năm bình quân 9,8 sào/hộ/năm. Tuy mỗi hộ bình quân có

Bảng 1: Mô tả các biến độc lập trong mô hình và dấu kỳ vọng

Ký hiệu biến	Diễn giải	Kỳ vọng
X_1	Hộ có thành viên là cán bộ địa phương ($X_1=1$: có; $X_1=0$: không)	+
X_2	Giới tính chủ hộ ($X_2=1$: nam; $X_2=0$: nữ)	+
X_3	Hiểu biết của hộ về chính sách bảo hiểm cây lúa ($X_3=1$: có; $X_3=0$: không)	+
X_4	Trong 5 năm gần đây hộ có bị mất mùa không ($X_4=1$: có; $X_4=0$: không)	+
X_5	Quy mô trồng lúa (sào/năm)	+
X_6	Trình độ học vấn của chủ hộ thể hiện bằng số năm đi học (năm)	+
X_7	Thu nhập khác ngoài trồng lúa (triệu đồng/năm)	-
X_8	Tuổi chủ hộ (tuổi)	+

Ghi chú: dấu “+” thể hiện mối quan hệ thuận chiều với biến phụ thuộc
dấu “-” thể hiện mối quan hệ ngược chiều với biến phụ thuộc

Bảng 2: Thông tin cơ bản của hộ trồng lúa

Chỉ tiêu	Đơn vị	Bình quân	Lớn nhất	Nhỏ nhất
Lao động	Người/hộ	2,13	4	1
Kinh nghiệm trồng lúa	Năm	25,4	48	5
Diện tích gieo trồng	Sào*/năm	9,8	30	2
Số thửa ruộng	Thửa	3,4	7	1

Ghi chú: *Sào Bắc Bộ = 360m²

Nguồn: Số liệu điều tra, 2016

2,13 lao động, nhưng lao động tại địa phương dành ít nỗ lực cho trồng lúa, bình quân mỗi lao động dành 20 ngày/năm cho các hoạt động nông nghiệp, còn lại tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp.

Thí điểm bảo hiểm cây lúa trên địa bàn nghiên cứu tiến hành từ vụ chiêm năm 2012, UBND huyện Thái Thụy đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị, phòng ban. UBND xã Thái Nguyên phối hợp trực tiếp với các cơ quan chuyên môn và Công ty Bảo Việt Thái Bình tổ chức hoạt động tuyên truyền, giới thiệu, hướng dẫn về sản phẩm bảo hiểm và tổ chức triển khai thực hiện cho đến khi kết thúc chương trình thí điểm. Công ty Bảo Việt Thái Bình làm nhiệm vụ ký kết hợp đồng bảo hiểm, thu phí bảo hiểm, xác định tổn thất, nguyên nhân, mức độ, giám định tổn thất và chủ động đền bù khi có tổn thất xảy ra. Hội nông dân và hợp tác xã làm trung gian trong việc mua bảo hiểm và trả tiền bồi thường tổn thất cho người dân.

Bảo hiểm cây lúa chỉ được triển khai trên địa bàn xã năm 2012 với thời điểm thí điểm dự kiến là 3 năm. Phí bảo hiểm cây lúa được xác định dựa trên số tiền bảo hiểm với tỷ lệ phí bảo hiểm của địa phương là 5,23%. Phí tham gia bảo hiểm cây lúa của xã ở vụ chiêm là 75.000 đồng/sào/vụ, trong đó, hộ cận nghèo đóng 7.500 đồng/sào/vụ, hộ thường đóng 30.000 đồng/sào/vụ và vụ mùa là 62.500 đồng/sào/vụ, trong đó, hộ cận nghèo đóng 6.250 đồng/sào/vụ, hộ thường đóng 25.000 đồng/sào/vụ. Trên địa bàn

xã có 32 hộ tham gia bảo hiểm, 100% hộ tham gia là hộ nghèo với tổng diện tích lúa được bảo hiểm là 14,17ha. Tổng số tiền bảo hiểm là 518,25 triệu đồng, tổng phí bảo hiểm là 21,1 triệu đồng và hoàn toàn do ngân sách nhà nước hỗ trợ. Năm 2012, năng suất thực tế của cả hai vụ chiêm và vụ mùa tại xã cao hơn so với năng suất được bảo hiểm nên người dân không được bồi thường. Sau năm 2012 hoạt động bảo hiểm cho cây lúa bị ngưng trệ không còn diễn ra trên địa bàn xã.

Bảo hiểm cây lúa là chương trình mới, lần đầu tiên được áp dụng vào năm 2012, đã bộc lộ rõ những khó khăn để triển khai thành công trên địa bàn. Quá trình nghiên cứu đã cho thấy 5 yếu tố chính gây khó khăn cho việc thí điểm bảo hiểm cây lúa bao gồm: (1) quy mô trồng lúa nhỏ lẻ và manh mún, (2) năng suất lúa những năm qua khá ổn định, (3) thu nhập từ trồng lúa chiếm tỷ trọng nhỏ, (4) người dân chưa tin hoạt động của công ty bảo hiểm và (5) hiệu quả công tác tuyên truyền còn thấp.

Quy mô trồng lúa của người dân trong xã nhỏ lẻ và manh mún (Bảng 3). Năm 2012, xã đã thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa, nhưng tình trạng manh mún đất đai trồng lúa vẫn diễn ra, trung bình mỗi hộ có 3-4 thửa ruộng trồng lúa. Diện tích gieo trồng trung bình cả năm của hộ là 9,8 sào/năm, có hộ quy mô nhỏ chỉ 2 sào/năm nên khi có xảy ra rủi ro ít gây ảnh hưởng nhiều đến đời sống kinh tế của hộ. Ngoài ra, quy mô sản xuất lúa trong xã còn làm ảnh

Bảng 3: Quy mô trồng lúa bình quân của hộ dân ở xã Thái Nguyên

Tiêu chí	Số hộ (hộ)	Diện tích gieo trồng lúa (sào)	Số thửa/hộ (thửa)
Quy mô nhỏ (≤ 5 sào/năm)	30	3,9	2,3
Quy mô vừa (5-10 sào/năm)	49	7,3	3,2
Quy mô lớn (≥ 10 sào/năm)	41	17,0	4,3
Trung bình	-	9,8	3,4

Nguồn: Số liệu điều tra, 2016

Bảng 4: Kết quả trồng lúa của xã Thái Nguyên trong 5 năm 2011-2015

Năm	Diện tích (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tạ)	
	Vụ chiêm	Vụ mùa	Vụ chiêm	Vụ mùa	Vụ chiêm	Vụ mùa
2011	309	368	68	51	21.012	18.768
2012	302	360	67	54	20.234	19.440
2013	292	348	68	55	19.856	19.140
2014	285	341	65	56	18.525	19.096
2015	281	337	70	55	19.670	18.535

Nguồn: Văn phòng thống kê xã Thái Nguyên, 2016

hưởng đến quá trình triển khai, thực hiện và gây tổn kém chi phí (chi phí quản lý, quảng cáo, giám định) nên doanh nghiệp bảo hiểm không muốn kinh doanh loại hình bảo hiểm này.

Năng suất lúa trong những năm gần đây khá ổn định, với vụ chiêm năng suất dao động từ 65-70 tạ/ha và vụ mùa từ 51-56 tạ/ha (Bảng 4). Xu hướng năng suất ổn định cũng diễn ra trong những giai đoạn trước đó. Năm 2012, 11% diện tích lúa của xã bị ảnh hưởng bởi Bão số 8 làm năng suất lúa vụ mùa giảm xuống còn 51 tạ/ha. Vụ chiêm năm 2014, 27 hộ trong xã bị ảnh hưởng bởi đợt rét đậm rét hại tháng Hai làm năng suất lúa giảm xuống còn 65 tạ/ha nhưng mức độ thiệt hại là rất nhỏ. Qua đó cho thấy, tần suất xảy ra thiên tai trong những năm gần đây thấp và không gây ảnh hưởng nhiều đến năng suất lúa dẫn tới tình trạng người dân chủ quan, không quan tâm đến tham gia bảo hiểm.

Thu nhập từ trồng lúa chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng thu nhập của nông hộ cũng làm động cơ tham gia bảo hiểm bị giảm. Thay cho việc mua bảo hiểm người dân tự bảo hiểm bằng cách đa dạng hóa các nguồn thu nhập. Thu nhập từ trồng lúa được tính theo thu nhập hỗn hợp hay lợi nhuận kế toán bao gồm lợi nhuận kinh tế, tiền công lao động gia đình và các đầu vào không mua trực tiếp trên thị trường yếu tố sản xuất. Thu nhập từ trồng lúa và tỷ lệ thu nhập từ trồng lúa so với tổng thu nhập trong một năm của hộ ở ba mức quy mô khác nhau được thể

hiện trong Bảng 5.

Nhóm hộ có quy mô nhỏ (≤ 5 sào/năm) thu nhập trung bình từ trồng lúa là 872.667 đồng/hộ/năm chiếm tỷ lệ 1,45% trong tổng thu nhập của hộ; hộ quy mô vừa (5-10 sào/năm) chiếm 2,14% tổng thu nhập của hộ và hộ có quy mô lớn (≥ 10 sào/năm) chiếm 5,25% tổng thu nhập của hộ. Trong những năm gần đây, hoạt động phi nông nghiệp trên địa bàn huyện đã tạo ra nhiều việc làm và thu nhập. Lao động của hộ ngoài làm nông nghiệp còn làm việc ở các xí nghiệp gạch, công ty may, giày da, thủy sản, mây tre đan với mức thu nhập dao động trung bình từ 4-6 triệu đồng/tháng.

Người dân trên địa bàn xã chưa có niềm tin vào công ty bảo hiểm. Khi được hỏi về nguyên nhân không tham gia bảo hiểm cây lúa có 40/55 hộ chiếm 72,73% hộ cho rằng không tin tưởng vào bảo hiểm cây lúa (Bảng 6). Năm 2012, xã có 32 hộ nghèo tham gia bảo hiểm cây lúa trong đó có 14 hộ gặp rủi ro và bị giảm năng suất nhưng các hộ khác lại được mùa nên năng suất thực tế của xã không bị sụt giảm so với năng suất được bảo hiểm, vì vậy, những hộ bị thiệt hại cũng không được đền bù. Điều này làm ảnh hưởng đến tâm lý người dân nên họ không tin tưởng vào chính sách bảo hiểm.

Kết quả tuyên truyền về thí điểm bảo hiểm cây lúa còn kém. Tại địa phương, các cán bộ xã, thôn không trực tiếp phổ biến chính sách bảo hiểm đến người dân, mọi thông tin về bảo hiểm chỉ được phát

Bảng 5: Thu nhập từ trồng lúa và tỷ lệ trong tổng thu nhập của hộ

Quy mô	Thu nhập trung bình từ trồng lúa	Tỷ lệ so với tổng thu nhập
	(đồng)	(%)
Quy mô nhỏ (≤ 5 sào/năm)	872.667	1,45
Quy mô vừa (5-10 sào/năm)	1.620.816	2,14
Quy mô lớn (≥ 10 sào/năm)	3.404.878	5,25

Nguồn: Số liệu điều tra, 2016

Bảng 6: Nguyên nhân hộ không tham gia bảo hiểm cây lúa

Nguyên nhân	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Không hiểu rõ chính sách bảo hiểm cây lúa	26	47,27
Không tin tưởng bảo hiểm cây lúa	40	72,73
Mua bảo hiểm không được lợi gì	19	34,55
Sản xuất nhỏ lẻ	20	36,36
Phí tham gia bảo hiểm cao	15	27,27
Thủ tục phức tạp	26	47,27
Tự khắc phục được rủi ro	10	18,18

Nguồn: Số liệu điều tra, 2016

trên loa của thôn, xã vào mỗi buổi chiều. Đối với những hộ nghèo được hỗ trợ 100% phí tham gia bảo hiểm, các cán bộ xã, thôn tự đăng ký và làm hồ sơ tham gia nên công ty bảo hiểm cũng không muốn kinh doanh nếu không có lợi nhuận cao. Ngoài ra, trong số 120 hộ điều tra nhưng chỉ có 53 hộ biết đến bảo hiểm, chiếm 44,17% tổng số hộ điều tra. Qua đó cho thấy, bảo hiểm cây lúa vẫn là một chính sách mới đối với người dân nên người dân ở đây vẫn còn cảm thấy e ngại và không muốn tham gia.

3.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa

Trước khi quyết định mô hình nghiên cứu chính thức, kiểm định về các khuyết tật trong mô hình và kiểm định về sự phù hợp của mô hình được tiến hành. Thực hiện kiểm định White nhận được $P\text{-value} = 0,1201 > \alpha$ (mức ý nghĩa $\alpha = 10\%$), cho thấy mô hình không có hiện tượng phương sai thay đổi. Kết quả kiểm tra ma trận hệ số tương quan từng

cặp giữa các biến độc lập trong mô hình cho thấy giữa các biến độc lập không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Kiểm định về sự phù hợp của mô hình cho thấy giá trị $LR\ statistic = 127,19 > F (F= 2,7)$ nên giả thuyết H_0 ở mức ý nghĩa 1% bị bác bỏ, do đó các biến số của mô hình có thể sử dụng để giải thích cho quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ. Phương pháp ước lượng hợp lý tối đa (MLE) dùng để ước lượng mô hình thực nghiệm và các kiểm định liên quan được thực hiện bằng phần mềm Eview 8. Kết quả ước lượng của các tham số và hiệu ứng biên được trình bày trong Bảng 7.

Hệ số tương quan của mô hình $R^2 = 0,7684$ cho biết 76,84% quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ dân chịu ảnh hưởng bởi 8 biến độc lập trong mô hình và 23,16% còn lại do các yếu tố khác ngoài mô hình. Trong các biến đưa vào mô hình có 5 biến có ý nghĩa thống kê, bao gồm: hiểu biết về bảo hiểm cây lúa (X_3), mất mùa (X_4), quy mô trồng lúa (X_5), trình độ học vấn

Bảng 7: Kết quả ước lượng mô hình Binary Logistic

Tên biến	Hệ số	Prob	Hiệu ứng biên
Hệ số tự do	-12,27	0,022	-3,05
Cán bộ địa phương (X_1)	1,039	0,571	0,26
Giới tính (X_2)	0,219	0,811	0,05
Hiểu biết về bảo hiểm cây lúa (X_3)	2,363**	0,02	0,59
Mất mùa (X_4)	2,598**	0,021	0,63
Quy mô trồng lúa (X_5)	0,516***	0,005	0,13
Trình độ học vấn (X_6)	0,634***	0,008	0,16
Thu nhập khác ngoài trồng lúa của hộ (X_7)	-0,07**	0,028	-0,02
Tuổi chủ hộ (X_8)	0,137	0,114	0,03
R^2	0,7684	-	-
Tổng số quan sát	120	-	-

Ghi chú: *** mức ý nghĩa thống kê 1%, ** mức ý nghĩa thống kê 5%

Nguồn: Số liệu điều tra, 2016

(X_6), thu nhập khác ngoài trồng lúa (X_7). Những biến đặc điểm của hộ như hộ có thành viên là cán bộ địa phương hay không, giới tính chủ hộ và tuổi chủ hộ không có ý nghĩa thống kê ở mức 5%.

Hệ số của biến X_3 có quan hệ tương quan thuận chiều với quyết định mua bảo hiểm cây lúa của hộ ở mức ý nghĩa 5%. Kết quả này cho thấy nếu hộ có hiểu biết về bảo hiểm thì khả năng hộ đồng ý tham gia bảo hiểm tăng 59 điểm phần trăm vì những hộ này đã phần nào nhận thức được tầm quan trọng của bảo hiểm, lợi ích của bảo hiểm, cơ chế tham gia, cơ chế bồi thường bảo hiểm nên khi tham gia sẽ không gặp nhiều khó khăn đối với những thủ tục đó.

Ảnh hưởng của biến X_4 cũng có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương. Như vậy, các hộ bị mất mùa có tỷ lệ tham gia bảo hiểm sẽ cao hơn và quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ sẽ tăng 63 điểm phần trăm nếu hộ bị mất mùa trong 5 năm gần đây. Khi hộ mất mùa và bị thiệt hại lớn đồng nghĩa với việc nhận thức về rủi ro tăng lên. Do vậy, bảo hiểm là một trong những lựa chọn của hộ để có thể khắc phục được khó khăn, thiệt hại trước mắt nếu xảy ra rủi ro.

Hệ số của biến X_5 có mối quan hệ thuận chiều với quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ ở mức ý nghĩa 1%. Khi quy mô của hộ tăng 1 sào/năm thì xác suất tham gia bảo hiểm tăng 13 điểm phần trăm. Thực tế chứng minh cho thấy hộ có quy mô lớn thường phải chịu nhiều rủi ro hơn nên họ sẽ đồng ý tham gia bảo hiểm cây lúa để giảm bớt đi gánh nặng rủi ro có thể xảy ra.

Hệ số dương của biến X_6 có ý nghĩa ở mức 1% ngụ ý rằng chủ hộ có trình độ học vấn cao có khả năng tham gia bảo hiểm cây lúa sẽ cao hơn so với chủ hộ có trình độ học vấn thấp. Chủ hộ có trình độ học vấn cao phần lớn là cán bộ địa phương, có cơ hội tiếp nhận thông tin, chính sách lớn hơn và nhận thức về bảo hiểm cũng cao hơn so với chủ hộ có trình độ thấp. Cụ thể, khi chủ hộ tăng thêm 1 năm đi học khả năng tham gia bảo hiểm cây lúa sẽ tăng lên 16 điểm phần trăm.

Ảnh hưởng của biến X_7 có mối quan hệ tương quan nghịch chiều so với quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ và có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Khi thu nhập khác ngoài trồng lúa của hộ tăng thêm 1 triệu đồng/năm thì xác suất tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ sẽ giảm đi 2 điểm phần trăm. Bởi vì, khi thu nhập khác của hộ cao, hộ sẽ có đủ khả năng chi trả cho cuộc sống và những thiệt hại do rủi ro gây ra.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực trạng chương trình thí điểm bảo hiểm cây lúa tại xã Thái Nguyên cho thấy, bảo hiểm cây lúa chỉ được triển khai tại địa phương năm 2012 và không thể duy trì những năm tiếp theo do: quy mô trồng lúa nhỏ lẻ, manh mún; năng suất lúa trong những năm gần đây khá ổn định; thu nhập từ trồng lúa của người dân thấp; người dân không có niềm tin vào công ty bảo hiểm; và kết quả công tác tuyên truyền về bảo hiểm cây lúa còn kém. Kết quả phân tích tương quan hồi quy nhị phân Binary Logistic đã chỉ ra 5 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia thí điểm bảo hiểm cây lúa bao gồm: hiểu biết của hộ về bảo hiểm cây lúa, hộ có bị mất mùa trong 5 năm gần đây hay không, quy mô trồng lúa, trình độ học vấn của chủ hộ và thu nhập khác ngoài trồng lúa.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp sẽ khó khăn hơn ở địa bàn sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, tự cung tự cấp và sản xuất hàng hóa kém phát triển. Để thực hiện tốt chính sách bảo hiểm nông nghiệp cần phải đánh giá đúng lợi ích-chi phí của cả hai phía cung và cầu. Về phía cung, các chính sách của Nhà nước cần hướng tới hỗ trợ doanh nghiệp có đủ động cơ và năng lực cung cấp dịch vụ bảo hiểm tốt trên thị trường. Mục tiêu của người bán là lợi nhuận do vậy cần đảm bảo cho người bán có lợi nhuận hợp lý. Giai đoạn tạo dựng thị trường, người bán cần được nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ mới bằng việc xây dựng giá bảo hiểm phù hợp, cơ chế chi trả minh bạch và mạng lưới cung cấp với chi phí cạnh tranh. Ngoài ra, cần có chính sách giám sát và xử lý sai phạm về cam kết cung cấp và chi trả dịch vụ bảo hiểm.

Đối với cầu, hai đặc điểm của người mua cần được lưu ý từ mô hình thử nghiệm. Thứ nhất, cần xây dựng một chương trình truyền thông hiệu quả tới hộ trồng lúa để họ hiểu được lợi ích tham gia bằng nhiều kênh thông tin thông qua các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội ở địa phương. Thứ hai, hộ trồng lúa chưa có thói quen mua bảo hiểm và động cơ tham gia thị trường thấp. Để thay đổi thói quen mua bảo hiểm và tăng động cơ tham gia thị trường trong giai đoạn mới hình thành, cần kết hợp với các công cụ khuyến khích khác từ vốn xã hội ở nông thôn. Chẳng hạn, chính quyền địa phương có thể thêm chỉ tiêu tham gia mua bảo hiểm nông nghiệp khi xem xét một số chương trình phát triển cộng đồng nông thôn.

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Triệu Huy, Phan Đình Khôi & Phan Thị Ánh Nguyệt (2014), ‘Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ trồng lúa ở tỉnh Đồng Tháp’, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 90 (2), 105-116.
- Lương Thị Ngọc Hà (2015), ‘Đánh giá mức độ sẵn sàng chi trả bảo hiểm nông nghiệp của hộ gia đình nông thôn Việt Nam, trường hợp nghiên cứu ở huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh’, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 31 (1), 41-50.
- Nguyễn Văn Song, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Thị Ngọc Huyền & Hoàng Thị Hằng (2013), ‘Nhu cầu bảo hiểm cho cây lúa của các hộ nông dân: Nghiên cứu điển hình Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định’, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, 10 (1), 3-7.
- Phạm Thị Định (2013), ‘Tình hình thực hiện Bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam theo quyết định Số 315/QĐ-TTg và một số ý kiến đề xuất’, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 193 (1), 54-57.
- Sherrick, B.J., Barry P.J., Ellinger P.N. & Schnitkey G. (2004), ‘Factors Influencing Farmers’ Crop Insurance Decisions’, *American Journal of Agricultural Economics*, 86 (1), 103-114.
- Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013*, ban hành ngày 01 tháng 3 năm 2011.